

Long Biên, ngày 22 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai bảng lương và phụ cấp của viên chức, LDHĐ
tháng 09/2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Quy chế dân chủ của trường Mầm non gia quát và Kế hoạch thực hiện công khai của nhà trường;

Trường Mầm non gia quát tiến hành công khai các nội dung cụ thể như sau:

I. Nội dung công khai: Bảng lương và phụ cấp của viên chức, LDHĐ tháng 09/2025

II. Hình thức công khai: Cổng Thông tin nội bộ nhà trường (<https://mngiaquat.longbien.edu.vn/InternalLogin>)

III. Thời gian công khai: Từ ngày 22/09/2025 đến 22/10/2025.

Mọi ý kiến trao đổi, đề xuất xin gửi trực tiếp cho BCD thực hiện công khai hoặc email: mngiaquat@longbien.edu.vn để nhà trường giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:
- CBGVNV;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Anh

BIÊN BẢN
Về việc công khai bảng lương và phụ cấp của viên chức, LDHĐ
tháng 09/2025

I. Thời gian: Ngày 22 tháng 09 năm 2025

II. Thành phần gồm có:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Ngọc Anh | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Dương Thị Minh Ngọc | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng - CTCD |
| 3. Bà Nguyễn Thùy Linh | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| 4. Bà Trần Thu Thủy | Chức vụ: Kế toán |
| 5. Bà Phạm Thị Thanh Huệ | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

III. Nội dung: Đã tiến hành công khai cụ thể như sau:

- Nội dung: Bảng lương và phụ cấp của viên chức, LDHĐ tháng 09/2025
- Thời gian công khai: Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 22/10/2030.
- Hình thức: Công thông tin nội bộ nhà trường
(<https://mngiaquat.longbien.edu.vn/InternalLogin>)
- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, kế toán công khai tới toàn thể CBGVNV nhà trường.
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 22/10/2030.
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất sau 3-5 ngày làm việc kể từ ngày nhận ý kiến.

IV. Kết luận: 100% thành viên nhất trí các nội dung trên.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Trần Thu Thủy

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Ngọc Anh

TRƯỜNG MẦM NON GIA QUÁT
THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 9 năm 2025 (1.490.000)

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương											Tổng 10.5% BHXH	Tiền lương và PC còn được lĩnh	Lương tính BH		
		Hệ số	Số tiền	BH	Tổng số tiền lương	Chức vụ				TN		Phụ cấp 35%		Phụ cấp TNGG							
						HS	Số tiền	BH	Tổng tiền PCCV	HS	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	BH				Tổng tiền PCTNGG	
1	Nguyễn Ngọc Anh	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793	0,50	745.000	78.225	666.775			1,4560	2.169.440	0,7488	1.115.712	117.150	998.562	767.981,76	8.715.570	7.314.112	
2	Dương T Minh Ngọc	3,99	5.945.100	624.236	5.320.865	0,35	521.500	54.758	466.743			1,5190	2.263.310	0,8680	1.293.320	135.799	1.157.521	814.791,60	9.208.438	7.759.920	
3	Nguyễn Thủy Linh	3,33	4.961.700	520.979	4.440.722	0,35	521.500	54.758	466.743			1,2880	1.919.120	0,4416	657.984	69.088	588.896	644.824,32	7.415.480	6.141.184	
4	Nguyễn T Hồng Nhung	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793					###	298.000	1,2810	1.908.690	0,5856	872.544	91.617	780.927	664.224,12	7.868.410	6.325.944	
5	Lê Thị Mai Lan	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793							1,2810	1.908.690	0,5490	818.010	85.891	732.119	658.498,05	7.521.602	6.271.410	
6	Phạm Thanh Huệ	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793					###	223.500	1,2810	1.908.690	0,5490	818.010	85.891	732.119	658.498,05	7.745.102	6.271.410	
7	Nguyễn T Hồng Hạnh	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793							1,2810	1.908.690	0,5490	818.010	85.891	732.119	658.498,05	7.521.602	6.271.410	
8	Trương T Thanh Hương	3,66	5.453.400	572.607	4.880.793							1,2810	1.908.690	0,5490	818.010	85.891	732.119	658.498,05	7.521.602	6.271.410	
9	Hoàng Thị Nhung	3,03	4.514.700	474.044	4.040.657							1,0605	1.580.145	0,3939	586.911	61.626	525.285	535.669,16	6.146.087	5.101.611	
10	Trịnh T Hồng Nhung	3,33	4.961.700	520.979	4.440.722					###	223.500	1,1655	1.736.595	0,3996	595.404	62.517	532.887	583.495,92	6.933.703	5.557.104	
11	Lưu Thị Hoa Chinh	3,33	4.961.700	520.979	4.440.722					###	223.500	1,1655	1.736.595	0,6660	992.340	104.196	888.144	625.174,20	7.288.961	5.954.040	
12	Nguyễn Thị Thanh	3,03	4.514.700	474.044	4.040.657							1,0605	1.580.145	0,2727	406.323	42.664	363.659	516.707,42	5.984.461	4.921.023	
13	Ngô Thị Vân	3,00	4.470.000	469.350	4.000.650							1,0500	1.564.500	0,2700	402.300	42.242	360.059	511.591,50	5.925.209	4.872.300	
14	Bùi Ngọc Chăm	2,72	4.052.800	425.544	3.627.256							0,9520	1.418.480	0,2448	364.752	38.299	326.453	463.842,96	5.372.189	4.417.552	
15	Nguyễn Thị Hương	2,41	3.590.900	377.045	3.213.856							0,8435	1.256.815	0,1446	215.454	22.623	192.831	399.667,17	4.663.502	3.806.354	
16	Phan Thị Thu Hương	4,27	6.362.300	668.042	5.694.259							1,4945	2.226.805	0,5551	827.099	86.845	740.254	754.886,90	8.661.317	7.189.399	
17	Dương Thủy An	3,00	4.470.000	469.350	4.000.650							1,0500	1.564.500	0,2700	402.300	42.242	360.059	511.591,50	5.925.209	4.872.300	
18	Phạm Thanh Mai	3,00	4.470.000	469.350	4.000.650							1,0500	1.564.500	0,2100	312.900	32.855	280.046	502.204,50	5.845.196	4.782.900	
20	Nguyễn Văn Anh	2,72	4.052.800	425.544	3.627.256							0,9520	1.418.480	0,1904	283.696	29.788	253.908	455.332,08	5.299.644	4.336.496	
21	Phùng T Kim Oanh	3,33	4.961.700	520.979	4.440.722							1,1655	1.736.595	0,3996	595.404	62.517	532.887	583.495,92	6.710.203	5.557.104	
22	Hoàng Thị Minh Giang	2,10	3.129.000	328.545	2.800.455							0,7350	1.095.150	0,0000	0	-	-	328.545,00	3.895.605	3.129.000	
23	Lê Thị Huyền Trang	2,10	3.129.000	328.545	2.800.455							0,7350	1.095.150	0,0000	0	-	-	328.545,00	3.895.605	3.129.000	
23	Nguyễn Thị Huyền Trang	2,10	3.129.000	328.545	2.800.455							0,7350	1.095.150	0,0000	0	-	-	328.545,00	3.895.605	3.129.000	
		0	72,8	106.397.500,0	11.381.737,5	97.015.762,5	1,2	1.788.000,0	187.740,0	1.600.260,0	0,7	968.500,0	25,9	38.564.925,0	0,86	13.196.483,0	1.385.630,7	11.810.852,3	12.955.108,2	149.960.299,8	123.381.983,0

Kế toán

(Signature)

Trần Thu Thủy



THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 9 năm 2023 (850.000)

TT	Họ và tên	Hệ số	Tiền lương			Phụ cấp lương											Tổng 10.5% BHXH	Tiền lương và PC còn được lĩnh	Lương tính BHXH	
			Số tiền	BH	Tổng số tiền lương	Phụ cấp 1NN Chức vụ			TN	Phụ cấp 35%		Phụ cấp TNGG								
						HS	Số tiền	BH		Tổng tiền G PCCV	HS	Số tiền	Hệ số	Số tiền	BH	Tổng tiền PCTNGG				
1	Nguyễn Ngọc Anh	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345	0,50	425.000	44.625	380.375		1,4560	1.237.600	0,7488	636.480	66.830	569.650	438.110,40	4.971.970	4.172.480	
2	Dương T Minh Ngọc	3,99	3.391.500	356.108	3.035.393	0,35	297.500	31.238	266.263		1,5190	1.291.150	0,8680	737.800	77.469	660.331	464.814,00	5.253.136	4.426.800	
3	Nguyễn Thùy Linh	3,33	2.830.500	297.203	2.533.298	0,35	297.500	31.238	266.263		1,2880	1.094.800	0,4416	375.360	39.413	335.947	367.852,80	4.230.307	3.503.360	
4	Nguyễn T Hồng Nhung	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345					0,2	170.000	1,2810	1.088.850	0,5856	497.760	52.265	445.495	378.919,80	4.488.690	3.608.760
5	Lê Thị Mai Lan	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345						1,2810	1.088.850	0,5490	466.650	48.998	417.652	375.653,25	4.290.847	3.577.650	
6	Phạm Thanh Huệ	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345					0,15	127.500	1,2810	1.088.850	0,5490	466.650	48.998	417.652	375.653,25	4.418.347	3.577.650
7	Nguyễn T Hồng Hạnh	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345						1,2810	1.088.850	0,5490	466.650	48.998	417.652	375.653,25	4.290.847	3.577.650	
8	Trương T Thanh Hương	3,66	3.111.000	326.655	2.784.345						1,2810	1.088.850	0,5490	466.650	48.998	417.652	375.653,25	4.290.847	3.577.650	
9	Hoàng Thị Nhung	3,03	2.575.500	270.428	2.305.073						1,0605	901.425	0,3939	334.815	35.156	299.659	305.583,08	3.506.157	2.910.315	
10	Trịnh T Hồng Nhung	3,33	2.830.500	297.203	2.533.298					0,15	127.500	1,1655	990.675	0,3996	339.660	35.664	303.996	332.866,80	3.955.468	3.170.160
11	Lưu Thị Hoa Chinh	3,33	2.830.500	297.203	2.533.298					0,15	127.500	1,1655	990.675	0,6660	566.100	59.441	506.660	356.643,00	4.158.132	3.396.600
12	Nguyễn Thị Thành	3,03	2.575.500	270.428	2.305.073						1,0605	901.425	0,2727	231.795	24.338	207.457	294.765,98	3.413.954	2.807.295	
13	Ngô Thị Vân	3,00	2.550.000	267.750	2.282.250						1,0500	892.500	0,2700	229.500	24.098	205.403	291.847,50	3.380.153	2.779.500	
14	Bùi Ngọc Chăm	2,72	2.312.000	242.760	2.069.240						0,9520	809.200	0,2448	208.080	21.848	186.232	264.608,40	3.064.672	2.520.080	
15	Nguyễn Thị Hương	2,41	2.048.500	215.093	1.833.408						0,8435	716.975	0,1446	122.910	12.906	110.004	227.998,05	2.660.387	2.171.410	
16	Phạm Thị Thu Hương	4,27	3.629.500	381.098	3.248.403						1,4945	1.270.325	0,5551	471.835	49.543	422.292	430.640,18	4.941.020	4.101.335	
17	Đặng Thủy An	3,00	2.550.000	267.750	2.282.250						1,0500	892.500	0,2700	229.500	24.098	205.403	291.847,50	3.380.153	2.779.500	
18	Phạm Thanh Mai	3,00	2.550.000	267.750	2.282.250						1,0500	892.500	0,2100	178.500	18.743	159.758	286.492,50	3.334.508	2.728.500	
20	Nguyễn Văn Anh	2,72	2.312.000	242.760	2.069.240						0,9520	809.200	0,1904	161.840	16.993	144.847	259.753,20	3.023.287	2.473.840	
21	Phùng T Kim Oanh	3,33	2.830.500	297.203	2.533.298						1,1655	990.675	0,3996	339.660	35.664	303.996	332.866,80	3.827.968	3.170.160	
22	Hoàng Thị Minh Giang	2,10	1.785.000	187.425	1.597.575						0,7350	624.750	0,0000	0	-	-	187.425,00	2.222.325	1.785.000	
23	Lê Thị Huyền Trang	2,10	1.785.000	187.425	1.597.575						0,7350	624.750	0,0000	0	-	-	187.425,00	2.222.325	1.785.000	
23	Nguyễn Thị Huyền Trang	2,10	1.785.000	187.425	1.597.575						0,7350	624.750	0,0000	0	-	-	187.425,00	2.222.325	1.785.000	
Tổng		72,75	61.837.500,00	6.497.937,50	55.344.562,50	1,20	1.000.000,00	107.100,00	912.900,00	799	552.500,00	28,88	22.000.125,00	8,86	7.528.195,00	790.460,48	6.737.734,53	7.390.497,98	85.547.822,03	70.385.695,00



THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 09 năm 2025

STT	Số tiền	Lương	BH các loại	Phụ cấp trách nhiệm			10,50%	Tiền lương và PC thực lĩnh
				Số tiền	Hệ số	Số tiền	BHXH, YT, TN	
1	Lê Thị Minh Liễu	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
2	Khúc Thị Hải Minh	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
3	Trương Thị Hằng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
4	Lê Thị Mỹ Linh	4.960.000	520.800	4.439.200	0,15	351.000	520.800	4.790.200
5	Vũ Văn Lâm	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
6	Nguyễn Thị Tình	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
		29.760.000	3.124.800	26.635.200		351.000	3.124.800	26.986.200

Số tiền bằng chữ: Hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm đồng

Kế toán

Trần Thu Thủy

Bỏ Đề, ngày tháng 9 năm 2025

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Anh

TRƯỜNG MN GIA QUÁT

THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 09 năm 2025

STT	Số tiền	Lương	BH các loại	Phụ cấp trách nhiệm			10,50%	Tiền lương và PC thực lĩnh
				Số tiền	Hệ số	Số tiền	BHXH, YT, TN	
1	Trần Thu Thủy	4.960.000	520.800	4.439.200	0	0	520.800	4.439.200
2	Nguyễn Xuân Trọng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
		9.920.000	1.041.600	8.878.400	0	0	1.041.600	8.878.400

Bỏ Đề, ngày tháng 9 năm 2025

Kế toán

Trần Thu Thủy

Trần Thu Thủy

TRƯỜNG MN GIA QUÁT

Hiệu trưởng



Nguyễn Ngọc Anh

THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 9 năm 2025

STT	Số tiền	Lương	BH các loại	Phụ cấp trách nhiệm			10,50%	Tiền lương và PC thực lĩnh
				Số tiền	Hệ số	Số tiền	BHXH, YT, TN	
1	Trần Thu Thủy	4.960.000	520.800	4.439.200	0	0	520.800	4.439.200
2	Nguyễn Xuân Trọng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200
		9.920.000	1.041.600	8.878.400	0	0	1.041.600	8.878.400

Bỏ Đề, ngày tháng 9 năm 2025